

Số: 1204 /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 1086/BNV-CCVC ngày 05/02/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 361/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ theo Tờ trình số 710/TTr-SKH&CN ngày 25/02/2026 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1943/TTr-SNV ngày 23/3/2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ, như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm: 79 vị trí, trong đó:

a) Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý: 06 vị trí;

b) Vị trí việc làm công chức chuyên môn, nghiệp vụ: 70 vị trí;

c) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

*(Chi tiết theo Phụ lục I - Danh mục vị trí việc làm kèm theo).*

2. Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm: theo Phụ lục II *(đính kèm)*.

**Điều 2.** Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm

1. Trên cơ sở biên chế công chức được cấp thẩm quyền giao, danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, quyết định số lượng biên chế bố trí theo từng vị trí việc làm bảo đảm phù hợp với số lượng, khối lượng, mức độ phức tạp của công việc và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong thực tiễn *(riêng đối với bố trí các vị trí lãnh đạo, quản lý được thực hiện quy định có liên quan)*. Theo đó, sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm và tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt, bảo đảm trong số lượng biên chế được giao.

Trong quá trình thực hiện sắp xếp, bố trí lại công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt, phải bảo đảm các cơ quan, đơn vị trực thuộc hoạt động liên tục, thông suốt.

2. Căn cứ theo tình hình thực tế, thường xuyên rà soát các quy định, điều kiện, tiêu chuẩn, yêu cầu của vị trí việc làm và cập nhật, điều chỉnh Bản mô tả công việc phù hợp theo quy định, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cơ quan, đơn vị có sự thay đổi theo các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 6 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP thì thực hiện điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tham mưu, hướng dẫn việc xác định đối tượng giữ các chức danh Phó Giám đốc sở và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh để làm căn cứ xem xét, quyết định bố trí ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương phù hợp đảm bảo theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP.

3. Theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các quy định về vị trí việc làm, tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

**Điều 4.** Điều khoản chuyển tiếp

Đối với trường hợp đang thực hiện các quy trình có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng công chức (điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm,...) theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày ban hành

Quyết định này thì tiếp tục thực hiện đến khi hoàn thành thì thực hiện theo Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 229/QĐ-UBND-HC ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Thông tin và Truyền thông; Quyết định số 230/QĐ-UBND-HC ngày 26/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, danh mục vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TH, T.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Erân Văn Dũng

## PHỤ LỤC I

**Danh mục vị trí việc làm công chức của Sở Khoa học và Công nghệ**  
(Kèm theo Quyết định số **1204** /QĐ-UBND ngày **15 / 4** /2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị/Vị trí việc làm	Ngạch công chức tương ứng	Ghi chú
<b>A</b>	<b>LÃNH ĐẠO SỞ</b>		
1.1	Giám đốc	Chuyên viên cao cấp	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
1.2	Phó Giám đốc	Chuyên viên cao cấp/chuyên viên chính	
<b>B</b>	<b>PHÒNG THUỘC SỞ</b>		
<b>I</b>	<b>Văn phòng Sở</b>		
<b>1.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Chánh Văn phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Chánh Văn phòng		
<b>1.2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
1	Chuyên viên chính về tổ chức cán bộ	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên chính về tổ chức - biên chế	Chuyên viên chính	
3	Pháp chế viên chính	Pháp chế viên chính	
4	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính	
5	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	
6	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)	Kế toán viên chính	
7	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	
8	Chuyên viên về tổ chức cán bộ	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về tổ chức - biên chế	Chuyên viên	
10	Chuyên viên về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ	Chuyên viên	
11	Pháp chế viên	Pháp chế viên	
12	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	

13	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
14	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên	
15	Kế toán viên	Kế toán viên	
16	Chuyên viên về Thủ quỹ	Chuyên viên	
17	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	
18	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	
19	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực	Chuyên viên	
20	Chuyên viên về phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế	Chuyên viên	
21	Chuyên viên về luật pháp, điều ước và thỏa thuận quốc tế	Chuyên viên	
22	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên	
23	Chuyên viên về thư ký - biên tập	Chuyên viên	
24	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	
25	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	
26	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	
27	Chuyên viên về tiền lương	Chuyên viên	
28	Văn thư viên	Văn thư viên	
29	Chuyên viên về lưu trữ	Chuyên viên	
30	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	
31	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên	
32	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên	
33	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	

<b>II</b>	<b>Phòng Khoa học</b>		
<b>2.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
<b>2.2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
1	Chuyên viên chính về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên	
<b>III</b>	<b>Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo</b>		
<b>3.1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
<b>3.2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
1	Chuyên viên chính về sở hữu trí tuệ	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên chính	
3	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyển giao công nghệ	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên chính về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên chính	
5	Chuyên viên chính về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên chính	

6	Chuyên viên về sở hữu trí tuệ	Chuyên viên	
7	Chuyên viên quản lý về hoạt động an toàn bức xạ và hạt nhân	Chuyên viên	
8	Chuyên viên về quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ và chuyên giao công nghệ	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)	Chuyên viên	
10	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ)	Chuyên viên	
11	Chuyên viên về quản lý hoạt động năng lượng nguyên tử	Chuyên viên	
<b>IV</b>	<b>Phòng Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng</b>		
<b>4,1</b>	<b><i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i></b>		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
<b>4,2</b>	<b><i>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</i></b>		
1	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên chính về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên chính	
3	Chuyên viên chính về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên chính	
4	Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
5	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên	

6	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên	
7	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên	
8	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa	
<b>V</b>	<b>Phòng Chuyển đổi số</b>		
<b>5,1</b>	<b>VTVL lãnh đạo, quản lý</b>		
1	Trưởng phòng	Chuyên viên chính/chuyên viên	<i>(bố trí phù hợp theo tỷ lệ tại Phụ lục II kèm theo)</i>
2	Phó Trưởng phòng		
<b>5,2</b>	<b>VTVL Chuyên môn, nghiệp vụ</b>		
1	Chuyên viên chính về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên chính	
2	Chuyên viên chính về quản lý bưu chính	Chuyên viên chính	
3	Chuyên viên chính về quản lý viễn thông	Chuyên viên chính	
4	Chuyên viên chính về quản lý công nghiệp công nghệ số	Chuyên viên chính	
5	Chuyên viên chính về quản lý kinh tế số	Chuyên viên chính	
6	Chuyên viên chính về quản lý xã hội số	Chuyên viên chính	
7	Chuyên viên chính về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên chính	
8	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên	
9	Chuyên viên về quản lý bưu chính	Chuyên viên	

10	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên	
11	Chuyên viên quản lý mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước (KT1)	Chuyên viên	
12	Chuyên viên về quản lý công nghiệp công nghệ số	Chuyên viên	
13	Chuyên viên về quản lý kinh tế số	Chuyên viên	
14	Chuyên viên về quản lý xã hội số	Chuyên viên	
15	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Chuyên viên	
16	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên	
<b>C</b>	<b>VTVL HỖ TRỢ, PHỤC VỤ</b>		
1	Nhân viên Phục vụ		
2	Nhân viên Lễ tân		
3	Nhân viên Lái xe		

## PHỤ LỤC II

Tỷ lệ công chức theo ngạch được bố trí theo vị trí việc làm  
của Sở Khoa học và Công nghệ  
(Kèm theo Quyết định số 1204 /QĐ-UBND ngày 15 / 4 /2026  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Ngạch công chức tương ứng vị trí việc làm	Chức vụ/Chức danh tương ứng được bố trí	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Chuyên viên cao cấp	Giám đốc sở và tương đương	100%	
		Phó Giám đốc sở và tương đương	Không quá 50% tổng số cấp phó của người đứng đầu của toàn bộ các cơ quan chuyên môn tỉnh	<i>Đối tượng chức danh giữ ngạch cụ thể theo quy định của cấp có thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP</i>
2	Chuyên viên chính	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phó Giám đốc Sở (số lượng Phó Giám đốc sở còn lại không giữ ngạch tương ứng là chuyên viên cao cấp);</li><li>- Cấp trưởng, cấp phó các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Sở;</li><li>- Công chức chuyên môn của Sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên chính và tương đương.</li></ul>	Không quá 50% tổng số biên chế công chức được giao	
3	Chuyên viên	Công chức chuyên môn của sở được bố trí vào vị trí việc làm chuyên viên và tương đương trở xuống	Số lượng công chức còn lại	